TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Bà Ngô Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Hà Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hiền: Anh Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số 41 đường NTT, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Huỳnh Thế N, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Xuân T – chủ doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Xuân Trang; địa chỉ: Khóm D, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Mười; địa chỉ: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồ Thị P trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 26/12/2024:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cự cãi, ly thân cách đây khoảng 03 tháng. Chị yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hà Thanh H, sinh ngày 29/11/2022, đang sống chung với chị. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung: 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ (gồm có 01 bàn, 01 băng, 02 ghế ngồi và 02 ghế đôn); 01 bộ bàn ăn bằng gỗ (gồm có 01 bàn và 08 ghế ngồi); 01 tủ lạnh hiệu LG 335 lít; 01 máy lạnh hiệu Panasonic 01 Hp; 01 tivi Daling 32 in. Chị P yêu cầu được chia đôi, chị xin nhận hiện vật và giao giá trị cho anh H.

Tài sản riêng: Chị P yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả lại cho chị số vàng cho anh H mượn mua ôtô gồm 02 chiếc nhẫn 04 chỉ vàng 24k; 02 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24k; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 10 chỉ vàng 18k và tiền mặt 23.000.000đ.

Về nợ: Ngày 14/4/2023 âm lịch, chị P và anh H có mượn chị N 30.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Chị yêu cầu anh H trả số nợ trên cho chị Nguyện.

Anh Hà Thanh H trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 26/12/2024:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, việc chung sống là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, anh chị ly thân cách đây 07 tháng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P xác định là không có nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị P về con chung. Nếu Tòa án giao con cho chị P nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh H thống nhất từng loại tài sản như chị P xác định như trên, toàn bộ tài sản anh đang quản lý. Khi ly hôn anh thống nhất theo chị P yêu cầu nhận hiện vật, chị P giao giá trị tài sản cho anh.

Về tài sản riêng: Anh không có mượn vàng và tiền theo như chị P trình bày nên không đồng ý trả. Trước đây, anh có cầm 10 chỉ 04 phân 4 vàng 18k tại tiệm vàng Xuân Trang lấy tiền về đưa cho chị P cố đất của bà Nguyễn Thị M. Anh không yêu cầu tiệm vàng Xuân Trang trả lại vàng. Hiện tại anh đang thuê xe ô tô biển số 69A11868 của chị Nguyễn Thị Bạch Q để chạy xe taxi, không phải xe của anh nên chị P cho rằng anh mượn vàng, tiền để mua xe là không có.

Về nợ: Anh thừa nhận vợ chồng có mượn chị Huỳnh Thế N 30.000.000đ. Anh đồng ý cùng chị P mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị N 15.000.000đ.

Chị Nguyễn Xuân Trang trình bày: Bà có cầm số tài sản như anh H trình bày là đúng, nay bà không đặt ra yêu cầu gì liên quan đến số vàng anh H cầm và xin được từ chối tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa,

Chị Hồ Thị P trình bày: Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn anh H. Về con chung: Chị yêu cầu giao cháu Hà Thanh H, sinh ngày 29/11/2022 cho anh H nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia mỗi người ½, yêu cầu được nhận hiện vật, giao giá trị tài sản cho anh H. Về tài sản riêng: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho chị 06 chỉ vàng 24k; 01 bộ vòng ximen (trọng lượng 10 chỉ vàng 18k) và tiền mặt 23.000.000đ. Nay chị chỉ yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho chị 40.000.000đ. Về nợ: Chị đồng ý cùng anh H mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị N 15.000.000đ.

Anh Nguyễn Đông D trình bày: Về tài sản chung: Anh H đồng ý chia mỗi người ½ và anh H đồng ý nhận giá trị, giao hiện vật cho chị P được hưởng. Về tài sản riêng: Anh H đồng ý giao cho chị P số tiền 40.000.000đ. Về nợ: Anh H thống nhất cùng chị P có nghĩa vụ trả cho chị N mỗi người 15.000.000đ.

Chị Huỳnh Thế N trình bày: Vợ chồng chị P, anh H có mượn của chị số tiền 30.000.000 đồng, nay anh H, chị P thống nhất cùng có nghĩa vụ trả cho chị mỗi người 15.000.000 đồng, chị thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cháu H cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Phân chia cho chị P được hưởng 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ (gồm có 01 bàn, 01 băng, 02 ghế ngồi và 02 ghế đôn); 01 bộ bàn ăn bằng gỗ (gồm có 01 bàn và 08 ghế ngồi); 01 tủ lạnh hiệu LG 335 lít; 01 máy lạnh hiệu Panasonic 01 Hp; 01 tivi Daling 32 in. Phân chia cho anh H được hưởng số tiền 20.500.000đ, buộc chị P có nghĩa vụ thanh toán cho anh H số tiền 20.500.000đ. Về tài sản riêng: Buộc anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị P số tiền 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Thanh H, bà Nguyễn Thị Xuân T – chủ doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Xuân Trang và bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị P, anh H chung sống vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND TT, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét thấy, mặc dù anh chị không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng tại phiên Tòa chị P cương quyết ly hôn, anh chị mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm lẫn nhau và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị P được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Hiện tại cháu Hà Thanh H chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu đang do chị P nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về thể chất, tinh thần, do đó giao cháu H cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H đồng ý cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản:

- 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ (gồm có 01 bàn, 01 băng, 02 ghế ngồi và 02 ghế đôn); 01 bộ bàn ăn bằng gỗ (gồm có 01 bàn và 08 ghế ngồi); 01 tủ lạnh hiệu LG 335 lít; 01 máy lạnh hiệu Panasonic 01 Hp; 01 tivi Daling 32in. Tổng giá trị tài sản 41.000.000đ. Chị P và anh H thống nhất chia đôi, chị P nhận hiện vật và có nghĩa vụ giao ½ giá trị cho anh H. Hội đồng xét xử, xét thấy thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, giao cho chị P được nhận hiện vật do anh H đang quản lý nên buộc anh Hiền có nghĩa vụ giao cho chị P. Chị P có nghĩa vụ thanh toán cho anh H ½ giá trị tài sản là 20.500.000đ.

- Đối với yêu cầu của chị P yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho chị 06 chỉ vàng 24k; 01 bộ vòng ximen (trọng lượng 10 chỉ vàng 18k) và tiền mặt 23.000.000đ. Nay chị Pha chỉ yêu cầu anh Hiền có nghĩa vụ trả cho chị 40.000.000đ. Xét thấy, việc chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tại phiên Tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H đã liên hệ với anh H và anh H đồng ý giao cho chị P 40.000.000đ. Xét thấy, thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối trừ nghĩa vụ tài sản nên buộc anh H có nghĩa vụ giao cho chị Pha số tiền 19.500.000đ.

[5] Về nợ: Chị P, anh H thống nhất mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị N 15.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng: Anh H phải chịu 300.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị P phải chịu 5.500.000đ (20.500.000 – 15.000.000đ) x 5% = 275.000đ. Anh H phải chịu 45.500.000đ (40.000.000đ + 20.500.000) – 15.000.000đ) x 5% = 2.275.000đ. Án phí trả nợ: Chị P và anh H mỗi người phải chịu 15.000.000đ x 5% = 750.000đ. Chị N không phải chịu, đã nộp tạm ứng 750.000đ được nhận lại. Chị P đã nộp tạm ứng 4.216.000đ, đối trừ được nhận lại 3.191.000đ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị P và anh H mỗi người phải chịu 1.000.000đ, chị P đã nộp 2.000.000đ nên buộc anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị P 1.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 37 và Điều 38 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị P, cho chị Hồ Thị P được ly hôn anh Hà Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thanh H, sinh ngày 29/11/2022 cho chị Hồ Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Hà Thanh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Hà Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hà Thanh H mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản: Phân chia cho chị Hồ Thị P 01 (một) bộ bàn ghế salon bằng gỗ (gồm có 01 (một) bàn, 01 (một) băng, 02 (hai) ghế ngồi và 02 (hai) ghế đôn); 01 (một) bộ bàn ăn bằng gỗ (gồm có 01 (một) bàn và 08 (tám) ghế ngồi); 01 (một) tủ lạnh hiệu LG 335 lít; 01 (một) máy lạnh hiệu Panasonic 01Hp và 01 (một) tivi Daling 32 in. Buộc anh Hà Thanh H có nghĩa vụ giao cho chị P các tài sản trên và 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về nợ: Buộc chị Hồ Thị P và anh Hà Thanh H mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thế N số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001936 ngày 15

tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị P đã nộp đủ.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Hà Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị P phải chịu 1.025.000đ (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 4.216.000đ (bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0001936 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị P được nhận lại số tiền 3.191.000đ (ba triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Anh Hà Thanh H phải chịu 3.025.000đ, chưa nộp (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Chị Hồ Thị P và anh Hà Thanh H mỗi người phải chịu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Buộc anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị P số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng